

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 16 - 7 - 2024.  
V/v “Ly hôn, con chung”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Nguyệt.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Hồng Hạnh và ông Nguyễn Trường Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Sen - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 34/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Huyền Tr, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn B, xã Th, huyện Th, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn Ph, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 16 tháng 4 năm 2024 và các lời khai tại Tòa án, chị Lê Thị Huyền Tr là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Đ lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam ngày 25 tháng 11 năm 2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và sự đồng cảm dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được hai bên gia đình, đoàn thể địa phương hòa giải nhưng không thành. Từ tháng 7 năm 2023, vợ chồng chị sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng, không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống, tình cảm của nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm

vợ chồng với anh Đ, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ để chị ổn định cuộc sống.

Tại bản tự khai ngày 07 tháng 5 năm 2024 và các lời khai tại Tòa án, anh Nguyễn Văn Đ là bị đơn trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân của vợ chồng của anh đúng như chị Tr trình bày. Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh luôn tìm cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị Tr không cho anh cơ hội. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị Tr, anh mong muốn chị Tr rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con.

Về con chung: Chị Tr, anh Đ thống nhất trình bày, vợ chồng anh chị có một người con chung là cháu Nguyễn Phúc H, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2021. Từ ngày vợ chồng ly thân, cháu H ở với chị Tr. Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao cháu H cho chị Tr trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đồng/01 tháng, kể tháng 8 năm 2024 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, lao động tự lập được.

Về con riêng: Không có.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Huyền Trang. 1. Xử lý hôn giữa chị Lê Thị Huyền Tr và anh Nguyễn Văn Đ. 2. Con chung: Giao cháu Nguyễn Phúc H, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2021 cho chị Tr trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục Anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đồng/01 tháng, kể tháng 8 tháng 2024 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. 3. Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng quan điểm đề nghị về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Lê Thị Huyền Tr yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Nguyễn Văn Đ là bị đơn; địa chỉ: Thôn Ph, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Huyền Tr và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 11 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn chị Tr, anh Đ chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và sự đồng cảm dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Theo các tài liệu xác minh tại địa phương và lời thừa nhận của đương sự thì vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2023, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn của vợ chồng chị Tr, anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Tr xin ly hôn anh Đ là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị Tr, anh Đ thống nhất trình bày, vợ chồng anh chị có một người con chung là cháu Nguyễn Phúc H, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2021. Từ ngày vợ chồng ly thân, cháu H ở với chị Tr. Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao cháu H cho chị Tr trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đồng/01 tháng, kể tháng 8 năm 2024 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con của các bên là tự nguyện được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân gia đình.

Về con riêng: Không có.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Huyền Tr phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Tr đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116 và Điều 117

Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Lê Thị Huyền Tr và anh Nguyễn Văn Đ.  
2. Con chung: Công nhận sự thỏa thuận của đương sự, giao cháu Nguyễn Phúc H, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2021 cho chị Tr trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đồng/01 tháng, kể tháng 8 năm 2024 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, lao động tự lập được.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Lê Thị Huyền Tr phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đòi trừ số tiền tạm ứng án phí chị Tr đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0000126 ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Chị Tr đã nộp đủ tiền án phí. Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Chị Tr, anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND xã Đông Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Thị Nguyệt**